

Bản án số: **172/2018/KDTM-PT**

Ngày: 30/11/2018

V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Bình

Các thẩm phán: Ông Nguyễn Thái Sơn

Bà Ngô Tuyết Băng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh - Thẩm tra viên - Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Kim Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 và 30 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 76/2018/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2018 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 29 tháng 3 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ-Thành phố Hà Nội bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 420/2018/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 497/2018/QĐ-PT ngày 08 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV MC - Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tổ tụng Ngân hàng TMCP QT (sau đây gọi tắt là Nguyên đơn) - Theo Hợp đồng mua bán nợ giữa Công ty MC với Ngân hàng TMCP QT số 2149/2018/BN.MC1-VIB ngày 30/7/2018.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 1, 6, 7 tòa nhà CS, số 16 PCT, quận HK, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Đinh Mạnh H và bà Lại Thị L - Chuyên viên Phòng xử lý nợ khách hàng cá nhân Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Văn bản ủy

quyền số 3230717 ngày 12/10/2017).

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N; sinh năm 1973

Ông Nguyễn Trọng S; sinh năm 1972

Cùng cư trú tại: Thôn Đ 1, xã ĐPY, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm:

+ Hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Đ gồm: Ông Nguyễn Hữu Đ; bà Nguyễn Thị K (vợ ông Đ); cụ Nguyễn Thị X (mẹ ông Đ); anh Nguyễn Hữu Đ (con ông Đ, bà K); chị Nguyễn Thị L (vợ anh Đ); cháu Nguyễn Hữu Nam A, sinh năm 2016 và cháu Nguyễn Hữu Minh Đ, sinh năm 2017 (con anh Đ, chị L).

Đại diện hợp pháp của cháu Nam A, cháu Đ: Anh Nguyễn Hữu Đ

Cùng cư trú tại: Thôn ĐC, xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

+ Hộ gia đình ông Nguyễn Thành N gồm: Ông Nguyễn Thành N; bà Phạm Ngọc T (vợ ông N); anh Nguyễn Quang H; cháu Nguyễn Huy H; cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 25/8/2013 (con ông N, bà T).

Đại diện hợp pháp cho cháu Nguyễn Tiến M là ông N, bà T.

Cùng trú tại: Số 18, hẻm 515/3/2, HHT, phường VP, quận BD, Thành phố Hà Nội.

+ Chị Nguyễn Thị D (con ông S, bà N);

+ Anh Nguyễn Trọng T (con ông S, bà N);

+ Cháu Nguyễn Trọng Tuấn N; sinh năm 2008 (con ông S, bà N).

Người đại diện hợp pháp của cháu N: ông Nguyễn Trọng S

Cùng trú tại: Thôn Đ 1, xã ĐPY, huyện CM, Thành phố Hà Nội.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Thành N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và các lời khai tại Tòa án cũng như tại phiên tòa Nguyên đơn Công ty VAMC trình bày:

Ngày 20/9/2011, Bị đơn và Ngân hàng TMCP QT (Gọi tắt là Ngân hàng VIB) đã ký hợp đồng tín dụng số 046/HĐTD1-VIB058/11, theo từng khế ước nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ để vay số tiền là 3.000.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi tính theo dư nợ thực tế, từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng, nếu đến hết ngày 05 hàng tháng, bên vay không trả hết số nợ lãi thì Ngân hàng VIB sẽ chuyển toàn bộ số nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của Ngân hàng VIB tại thời điểm chuyển nợ quá

hạn; lãi suất vay là 14,99%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn 03 tháng của Ngân hàng VIB + lãi biên tối thiểu 4%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng VIB tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Đến khi giải ngân Bị đơn chỉ vay số tiền là 2.950.000.000 đồng qua 03 khế ước nhận nợ được ký vào các ngày 14/9/2012, 19/9/2012, 20/9/2012, cụ thể:

Khế ước nhận nợ số 046.7/KUNN1-VIB058/12 ngày 14/9/2012 vay 850.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số 046.8/KUNN1-VIB058/12 ngày 19/9/2012 vay 1.150.000.000 đồng; khế ước nhận nợ số 046.9/KUNN1-VIB 058/12 ngày 20/9/2012 vay 950.000.000 đồng.

Bị đơn đã nhận đủ số tiền nêu trên là 2.950.000.000 đồng.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả khoản nợ vay trên, Bị đơn; vợ chồng ông Nguyễn Thành N, bà Phạm Ngọc T và ông Nguyễn Hữu Đ đã thế chấp các tài sản:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 38A, tờ bản đồ số 01, diện tích 385 m² tại địa chỉ thôn Đ 1, xã ĐPY, huyện CM, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AP 393386 do UBND huyện Chương Mỹ cấp ngày 06/08/2009 đứng tên Bị đơn. Hợp đồng thế chấp số công chứng 2896/2011, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐTC ngày 20/9/2011 giữa Ngân hàng VIB với Bị đơn tại Văn phòng Công chứng Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 22/9/2011. Nghĩa vụ bảo đảm đối với tài sản thế chấp của Bị đơn trên số nợ gốc là 1.259.868.000 đồng và nợ lãi phát sinh trên số nợ gốc.

+ Vợ chồng ông Nguyễn Thành N, bà Phạm Ngọc T đã thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 109-3, tờ bản đồ số 8E-IV-30, diện tích 62,5 m² tại hẻm 515/3/2 đường HHT, phường VP, quận BD-Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 098477 do UBND quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/04/2011 đứng tên ông Nguyễn Thành N và bà Phạm Ngọc T. Hợp đồng thế chấp số công chứng 2897/2011, quyền số 06TP/CC-SCC/HĐTC ngày 20/9/2011 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Thành N và bà Phạm Ngọc T với bên nhận thế chấp là VIB tại Văn phòng Công chứng Hà Đông. Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 21/9/2011. Nghĩa vụ bảo đảm đối với tài sản thế chấp của ông Nguyễn Thành N, bà Phạm Ngọc T trên số nợ gốc là 1.360.132.000 đồng và nợ lãi phát sinh trên số nợ gốc.

+ Ông Nguyễn Hữu Đ đã thế chấp: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc thửa đất số 229, tờ bản đồ số 03, diện tích 400 m² tại địa chỉ thôn ĐC, xã TB, huyện CM, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD 907939 do UBND

huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/03/2011 đứng tên ông Nguyễn Hữu Đ. Hợp đồng thế chấp số công chứng 2895/2011, quyền số 06 TP/CC - SCC/HĐTC ngày 20/9/2011 giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Hữu Đ với bên nhận thế chấp là Ngân hàng VIB tại Văn phòng Công chứng Hà Đông. Đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 22/9/2011. Nghĩa vụ bảo đảm đối với tài sản thế chấp của ông Nguyễn Hữu Đ trên số nợ gốc là 330.000.000 đồng và nợ lãi phát sinh trên số nợ gốc.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Bị đơn đã trả Ngân hàng VIB tổng số tiền là 242.516.416 đồng, trong đó nợ gốc: 11.646.337 đồng, nợ lãi: 230.870.079 đồng. Tuy nhiên sau đó, Bị đơn đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo cam kết với Ngân hàng VIB, vi phạm các nội dung thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp nên toàn bộ khoản vay trên đã bị chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 14/03/2013. Như vậy, nghĩa vụ đảm bảo của các tài sản thế chấp còn lại như sau:

- Nghĩa vụ bảo đảm đối với tài sản thế chấp của Bị đơn trên số nợ gốc là 1.254.894.153 đồng và nợ lãi trong hạn là 6.120.800 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.577.119.186 đồng.

- Nghĩa vụ bảo đảm đối với tài sản thế chấp của vợ chồng ông Nguyễn Thành N, bà Phạm Ngọc T trên số nợ gốc là 1.354.762.320 đồng và nợ lãi trong hạn là 6.607.911 đồng, nợ lãi quá hạn là 1.702.630.968 đồng.

- Nghĩa vụ bảo đảm đối với tài sản thế chấp của ông Nguyễn Hữu Đ trên số nợ gốc là 328.697.189 đồng và nợ lãi trong hạn là 1.603.235 đồng, nợ lãi quá hạn là 413.098.302 đồng.

Ngày 18/12/2014, Ngân hàng VIB đã bán khoản nợ quá hạn của Bị đơn cho Nguyên đơn theo Hợp đồng mua bán nợ số 8129/2014/MBN.VAMC2- Ngân hàng VIB.

Ngày 18/12/2014, Nguyên đơn đã ký hợp đồng ủy quyền số 8130/2014/UQ.VAMC2-TCTD, theo đó Nguyên đơn ủy quyền cho Ngân hàng VIB có toàn quyền thu hồi nợ đối với khoản vay quá hạn của khách hàng đã bán nợ theo Hợp đồng mua bán nợ số 8129/2014/MBN.VAMC2- Ngân hàng VIB ngày 18/12/2014.

Ngày 23/12/2016, Nguyên đơn đã ký hợp đồng số 4906/2016/UQ1.VAMC2 - Ngân hàng VIB sửa đổi, bổ sung hợp đồng ủy quyền số 8130/2014/UQ.VAMC2-VIB ngày 18/12/2014. Theo đó Nguyên đơn ủy quyền cho Ngân hàng VIB là người đại diện theo ủy quyền tham gia khởi kiện và Thi hành án để thu hồi nợ đối với khoản vay của khách hàng đã mua bán theo Hợp đồng mua bán nợ số 8129/2014/MBN.VAMC2-VIB ngày 18/12/2014.

Theo đó Nguyên đơn đã ủy quyền cho Ngân hàng VIB khởi kiện Bị đơn đến Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng, yêu cầu

xử lý tài sản thế chấp theo quy định pháp luật.

Ngày 12/10/2017, Nguyên đơn khởi kiện đề nghị Tòa án buộc Bị đơn phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 19/01/2018 là:

+ Nợ gốc là:	2.938.353.663 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn là:	14.331.945 đồng.
+ Nợ lãi quá hạn là	3.692.848.456 đồng.
Tổng cộng:	6.645.534.064 đồng.

Buộc Bị đơn tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ kể từ ngày 20/01/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

Trường hợp Bị đơn không trả được nợ, Nguyên đơn đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý ba khối tài sản bảo đảm đã thế chấp nêu trên để thanh toán khoản nợ theo quy định pháp luật.

Bị đơn; bà Nguyễn Thị Ngọc và ông Nguyễn Trọng Sơn trình bày:

- Bị đơn xác nhận đã ký Hợp đồng tín dụng số 046/HĐTD1-VIB058/11 ngày 20/9/2011 với Ngân hàng VIB và đã được giải ngân qua 03 khế ước nhận nợ với tổng số tiền 2.950.000.000 đồng để bổ sung vốn lưu động, phục vụ kinh doanh đồng thời Bị đơn cũng xác nhận đã thanh toán tiền gốc, tiền lãi như vị đại diện Nguyên đơn trình bày ở trên là đúng.

Tạm tính đến ngày 19/01/2018, Bị đơn xác nhận còn nợ Ngân hàng VIB số tiền là:

+ Nợ gốc là:	2.938.353.663 đồng.
+ Nợ lãi trong hạn là:	14.331.945 đồng.
+ Nợ lãi quá hạn là	3.692.848.456 đồng.
Tổng cộng:	6.645.534.064 đồng.

Do điều kiện làm ăn khó khăn, nên Bị đơn đề nghị Nguyên đơn tạo điều kiện cho Bị đơn trả nợ dần và xin miễn, giảm lãi.

Bị đơn; bà Ngọc, ông Sơn xác nhận đã ký Hợp đồng thế chấp và việc yêu cầu xử lý 03 khối tài sản thế chấp như Nguyên đơn trình bày ở trên là đúng.

Việc ký ba Hợp đồng thế chấp nêu trên là hoàn toàn tự nguyện và do Bị đơn, ông Đ, vợ chồng ông N bà T là chủ sử dụng hợp pháp, trực tiếp ký hợp đồng đúng theo quy định pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Nguyễn Hữu Đ là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của bà K, cụ X, chị L trình bày: Ngày 20/9/2011, ông xác nhận đã

ký Hợp đồng thế chấp tài sản đúng như đại diện Ngân hàng VIB trình bày. Ông xác nhận việc ông ký Hợp đồng thế chấp số công chứng 2895 là hoàn toàn tự nguyện và do ông là chủ sử dụng trực tiếp ký. Khối tài sản thế chấp này thuộc quyền sử dụng, sở hữu của cá nhân ông, nguồn gốc do được tặng cho, được UBND huyện Chương Mỹ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên chủ sử dụng là cá nhân ông. Hiện trên khối tài sản thế chấp có vợ chồng ông và cụ Nguyễn Thị X, vợ chồng con trai là Nguyễn Hữu Đ, Nguyễn Thị L cùng 02 cháu là Nguyễn Hữu Nam A, Nguyễn Hữu Minh Đ đang sinh sống, ngoài ra không có ai khác, không cho ai thuê, mượn, ở nhờ, không cầm cố thế chấp cho bất kỳ tổ chức cá nhân nào khác ngoài VIB. Sau khi thế chấp, năm 2013 ông Đ có sửa chữa, cải tạo nhà như: Lát gạch, trát lại tường, đảo ngói.

Do Bị đơn chưa trả được nợ, Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp, ông đề nghị Nguyên đơn tạo điều kiện cho Bị đơn trả nợ dần và miễn giảm lãi để trả lại tài sản cho gia đình ông.

Anh Nguyễn Hữu Đ trình bày: Anh là con trai ông Nguyễn Hữu Đ bà Nguyễn Thị K, ngày 20/9/2011 ông Đ đã thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 03, diện tích 400 m² tại địa chỉ thôn ĐC, xã TB, huyện CM để bảo đảm cho khoản vay của Bị đơn. Việc vay nợ và trả nợ của Bị đơn như thế nào anh không biết. Anh đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho Bị đơn trả nợ dần và miễn giảm lãi để Bị đơn trả hết nợ và trả lại tài sản cho gia đình anh.

Ông Nguyễn Thành N là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đại diện theo ủy quyền của chị T, cháu H trình bày: Ngày 20/9/2011, vợ chồng ông đã dùng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 109-3, tờ bản đồ số 8E-IV-30, diện tích 62,5m² tại địa chỉ hẻm 515/3/2 đường HHT, phường VP, quận BD, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 098477 do UBND quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/04/2011 đứng tên vợ chồng ông ký Hợp đồng thế chấp bảo đảm cho số tiền vay của Bị đơn như đại diện Ngân hàng VIB trình bày là đúng. Việc vợ chồng ông ký Hợp đồng thế là hoàn toàn tự nguyện và do vợ chồng ông là chủ sử dụng trực tiếp ký. Khối tài sản thế chấp này thuộc quyền sử dụng, sở hữu của vợ chồng ông, nguồn gốc do chuyển nhượng. Hiện trên khối tài sản thế chấp có vợ chồng ông cùng 02 cháu là Nguyễn Quang H, Nguyễn Huy H đang sinh sống, ngoài ra không có ai khác, không cho ai thuê, mượn, ở nhờ, không cầm cố thế chấp cho bất kỳ tổ chức cá nhân nào khác ngoài Ngân hàng VIB. Hiện trạng tài sản thế chấp vẫn nguyên trạng như khi thế chấp. Ông đề nghị Nguyên đơn tạo điều kiện cho Bị đơn trả nợ dần và miễn giảm lãi để trả lại tài sản cho gia đình ông.

Chị Nguyễn Thị D, anh Nguyễn Trọng T: Chị D và anh T đều không tham gia tố tụng để trình bày và thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.

Tại Bản án sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 29/3/2018 của

Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ đã xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc Bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho Nguyên đơn tổng số tiền còn nợ theo Hợp đồng tín dụng số 046/HĐTD1-VIB058/11 ngày 20/9/2011 và các khế ước nhận nợ ngày 14/9/2012; 19/9/2012; 20/9/2012, tạm tính đến ngày 19/01/2018 là 6.645.534.064 đồng, trong đó: nợ gốc là 2.938.353.663 đồng; nợ lãi trong hạn là 14.331.945 đồng; nợ lãi quá hạn là 3.692.848.456 đồng.

Kể từ ngày 20/01/2018 Bị đơn phải tiếp tục chịu lãi theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trường hợp Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý 03 khối tài sản đã thế chấp để thu hồi khoản nợ theo quy định pháp luật.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội nên ngày 14/5/2018 Bị đơn và ông Nguyễn Thành N kháng cáo đối với bản án sơ thẩm với lý do: Bản án sơ thẩm tuyên đã không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà và đề nghị cấp phúc thẩm tuyên hủy bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm trên của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Các đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

- Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Bị đơn xác nhận đã ký hợp đồng tín dụng số 046/HĐTD1-VIB058/11 ngày 20/9/2011 với Ngân hàng VIB để đảm bảo khoản vay trên Bị đơn đã dùng 03 khối tài sản là nhà đất của mình và của ông Đ, hộ gia đình anh N thế chấp cho Ngân hàng VIB như Nguyên đơn trình bày tại cấp sơ thẩm là đúng. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Trong quá trình giải quyết vụ án, Bị đơn chỉ được Tòa án sơ thẩm triệu tập lên hai lần để ký nhận nhiều văn bản theo yêu cầu của Tòa án và hòa giải. Sau đó, Bị đơn không nhận được bất kỳ văn bản nào của Tòa án. Chỉ đến khi Tòa án xét xử xong gần 01 tháng mới gọi Bị đơn lên nhận bản án nên Bị đơn không được tham gia xét xử để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hơn nữa, trong quá trình xét xử Tòa án sơ thẩm đã không đưa ông Nguyễn Trọng L và bà Đào Thị R (là bố mẹ đẻ của Bị đơn) vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Vì tài sản Bị đơn thế chấp có nguồn gốc là đất cha ông để lại. Toàn bộ nhà cửa trên mảnh đất thế chấp là do bố mẹ Bị đơn xây dựng lên và Bị đơn chỉ thế chấp quyền sử dụng đất chứ không thế chấp tài sản và các công trình trên đất cho Ngân hàng VIB. Hiện nay, bố mẹ Bị đơn vẫn đang ở cùng Bị đơn. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm.

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị Hội đồng

xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn và ông Nguyễn Thành N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

- Ông Nguyễn Thành N và bà Hà Thị Thu H (đại diện theo ủy quyền của ông N, bà T và anh H) đề nghị cấp phúc thẩm huỷ án sơ thẩm bởi các lý do sau:

+ Không đưa hai hộ gia đình ông T và ông Đ vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

+ Vợ chồng ông được Tòa án triệu tập 01 lần lên Tòa hòa giải và ký các văn bản theo yêu cầu của Tòa án. Sau đó, gia đình ông không nhận được bất kỳ văn bản nào của Tòa án, chỉ người nhà ông liên hệ với Tòa án mới biết vụ án đã được xét xử. Như vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã vi phạm thủ tục tố tụng.

- Ông Nguyễn Hữu Đ đề nghị Toà án xét xử theo đúng quy định của pháp luật đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông.

Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội tham gia phiên toà đã nhận xét và đề nghị:

- Tòa án cấp phúc thẩm đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng pháp luật. Các đương sự chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật.

- Hợp đồng tín dụng ký kết giữa các bên là hợp pháp và phù hợp với quy định của pháp luật.

- *Về lãi suất:*

Tại các khế ước nhận nợ thể hiện: Về lãi suất vay 14,99%/năm, điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VND kỳ hạn 03 tháng của VIB + lãi biên tối thiểu 4%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của VIB tại từng thời kỳ, phù hợp với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm Ngân hàng đã cung cấp tài liệu điều chỉnh lãi suất. Như vậy, so với bản án sơ thẩm đã tuyên nay giảm 833.101.889 đồng là phù hợp với quy định của pháp luật cũng như nội dung của hợp đồng, do đó cần được chấp nhận và sửa án sơ thẩm về lãi suất.

- *Về việc đưa người tham gia tố tụng:*

Đối với yêu cầu của bà Nguyễn Thị Lan H trú tại: P8, A4, Tập thể nhà máy ĐH, phường YP, quận TH, Thành phố Hà Nội (người không có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án) cho rằng: Vợ chồng bà có cho vợ chồng ông N vay 2.500.000.000 đồng để hoàn thiện tầng 2 nhà ở của bà T, ông N là không có căn cứ để xem xét trong vụ án này.

Tại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BE 098477 mang tên ông N, bà T thể hiện diện tích đất 62,5m², hình thức sử dụng riêng 51,8m², sử dụng chung 10,7m². Tuy nhiên tại biên bản định giá nhà, đất của Ngân hàng VIB ngày 15/9/2011 cũng xác định nhà đất như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có định giá 51,8m² = 3.294.480.000 đồng để làm cơ sở xác định mức cho vay của Ngân hàng. Như vậy mặc nhiên hiểu việc thế chấp trên chỉ thế chấp quyền sử dụng diện tích đất sử dụng riêng là 51,8m², chứ không thế chấp diện tích đất chung là 10,7m² ngõ đi. Xét thấy, diện tích ngõ đi chung là tài

sản chung đã được thể hiện rõ trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông N. Việc cấp sơ thẩm chỉ tuyên xử lý tài sản bảo đảm theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà không mô tả hiện trạng là chưa rõ ràng, do đó tại cấp phúc thẩm cần sửa về cách tuyên rõ về diện tích ngõ đi chung để đảm bảo công tác thi hành án, tránh tranh chấp xảy ra và khó khăn khi thi hành. Vì vậy, việc đưa những người cùng đi chung ngõ đi diện tích 10,7m² vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không cần thiết. Do đó yêu cầu của bà Ngọc, ông Nam đề nghị hủy án sơ thẩm là không có cơ sở để chấp nhận.

Do đó, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Bị đơn và ông Nguyễn Thành N.

Từ những nhận định trên có căn cứ xác định cấp sơ thẩm có một số thiếu sót cần rút kinh nghiệm, nhưng không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm mà cần tuyên sửa án theo hướng phân tích, đánh giá và nhận định trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do các bên đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được trong quá trình tố tụng, sau khi đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] - Về thủ tục tố tụng:

+ Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị N là Bị đơn và ông Nguyễn Thành N là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được làm trong thời hạn luật định và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đúng thời gian quy định của pháp luật nên hợp lệ.

+ Về quan hệ pháp luật:

+ Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa Ngân hàng VIB với Bị đơn phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 046/HĐTD1-VIB058/11 ngày 20/9/2011 được Tòa án cấp sơ thẩm xác định tranh chấp Hợp đồng tín dụng là đúng quy định pháp luật.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có địa chỉ tại: Thôn Đ 1, xã ĐPY, huyện CM, Thành phố Hà Nội. Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng Dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền. Về quyền khởi kiện, chủ thể khởi kiện: Việc mua bán nợ được quy định tại Khoản 3 Điều 5 Hợp đồng tín dụng số 046/HĐTD1 – VIB058/11 ngày 20/9/2011; việc Nguyên đơn ủy quyền cho Ngân hàng VIB khởi kiện là phù hợp với quy định tại Điều 161 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2004 và Điều 186 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngân hàng VIB khởi kiện theo ủy quyền là đúng với nội dung ủy quyền tại: Hợp đồng ủy quyền số 8130/2014/UQ.VAMC2-TCTN ngày 18/12/2014; Hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 4906/2016/UQ1.VAMC2-VIB ngày 23/12/2016. Ngày 30/7/2018, Nguyên đơn bán lại khoản nợ của Bị đơn cho Ngân hàng VIB theo Hợp đồng mua bán nợ số 2149/2018/BN.VAMC1-VIB là phù hợp với quy định

pháp luật nên xác định Ngân hàng VIB là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của Nguyên đơn trong vụ án.

Tại cấp phúc thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Nguyễn Tiến M, sinh ngày 25/8/2013 (con ông N, bà T) chưa thành niên nên ông N, bà T là đại diện theo pháp luật của cháu Tiến M. Ông N, bà T và anh Nguyễn Huy H ủy quyền hợp pháp cho bà Hà Thị Thu H là có căn cứ.

Toà án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định xét xử cho tất cả các đương sự trong vụ án. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm chỉ có Bị đơn, ông Nguyễn Thành N, bà Hà Thị Thu H, ông Nguyễn Hữu Đ và đại diện hợp pháp của Ngân hàng VIB có mặt. Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên Tòa án căn cứ điểm b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trên.

[2]. Về nội dung:

Ngày 20/9/2011, Bị đơn và Ngân hàng VIB đã ký hợp đồng tín dụng số 046/HĐTD1-VIB058/11 với hạn mức tín dụng là 3.000.000.000 đồng. Thời hạn rút làm một hoặc nhiều lần được thể hiện qua 03 khế ước nhận nợ với tổng số tiền là 2.950.000.000 đồng; thời hạn vay 06 tháng kể từ ngày ký khế ước nhận nợ, trả nợ gốc vào cuối kỳ, trả lãi tính theo dư nợ thực tế, từ ngày 01 đến ngày 05 hàng tháng, nếu đến hết ngày 05 hàng tháng, bên vay không trả hết số nợ lãi thì Ngân hàng VIB sẽ chuyển toàn bộ số nợ gốc còn lại sang nợ quá hạn và áp dụng lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của Ngân hàng VIB tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất vay là 14,99%/năm, điều chỉnh 3 tháng/lần, bằng lãi suất điều chuyển vốn kinh doanh VNĐ kỳ hạn 03 tháng của Ngân hàng VIB + lãi biên tối thiểu 4%/năm, chịu sự điều chỉnh theo chính sách lãi suất của Ngân hàng VIB tại từng thời kỳ; mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh.

Thực hiện Hợp đồng tín dụng trên Ngân hàng VIB đã giải ngân cho Bị đơn được thể hiện qua 03 khế ước nhận nợ với tổng số tiền 2.950.000.000 đồng. Để đảm bảo cho khoản vay trên Bị đơn đã thế chấp 03 khối tài sản cho Ngân hàng VIB như các bên đã xác nhận là đúng theo quy định của pháp luật.

Nguyên đơn bị đơn đã xác nhận khoản nợ gốc và nợ lãi, các bên không có yêu cầu về nội dung này, việc tính lãi suất theo đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Tại cấp phúc thẩm:

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đã điều chỉnh giảm lãi suất và đề nghị tính đến ngày 19/01/2018 Bị đơn phải trả Ngân hàng VIB tổng số tiền là:

+ Nợ gốc là: 2.938.353.663 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn là: 14.331.945 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn là: 2.859.746.567 đồng.

Tổng cộng: 5.812.432.175 đồng.

Xét việc tính giảm lãi của Nguyên đơn là có lợi cho Bị đơn không trái quy định pháp luật và quy định của Ngân hàng VIB. Hơn nữa tại phiên tòa hôm nay, Bị đơn cũng chấp nhận việc Ngân hàng tính giảm lãi là có lợi cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị trên của Nguyên đơn về việc giảm lãi suất.

Xét yêu cầu kháng cáo của Bị đơn, là bà Nguyễn Thị N và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan - là anh Nguyễn Thành N. Hội đồng xét xử thấy:

Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 38A, tờ bản đồ số 01, diện tích 385m² tại thôn Đ 1, xã ĐPY, huyện CM, Thành phố Hà Nội mang tên Bị đơn được ký kết ngày 20/9/2011 giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc, không có tranh chấp, tuân thủ quy định pháp luật về hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp. Được đăng ký bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 22/9/2011. Nên việc Nguyên đơn đề nghị được xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán được các khoản nợ là có căn cứ.

Việc bà Ngọc kháng cáo liên quan đến tài sản thế chấp là nhà đất do Bị đơn đứng tên trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 06/8/2009 với lý do Tòa án sơ thẩm đưa thiếu người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Trọng L và bà Đào Thị R (là bố mẹ đẻ của Bị đơn) vì tài sản Bị đơn thế chấp có nguồn gốc là đất cha ông, bố mẹ Bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

Đối với tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 109-3, tờ bản đồ số 8E-IV-30, diện tích 62,5 m² tại địa chỉ: Hẻm 515/3/2 đường HHT, phường VP, quận BD, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 098477 do UBND quận Ba Đình, Hà Nội cấp ngày 08/04/2011 đứng tên ông Nguyễn Thành N và bà Phạm Ngọc T, Hội đồng xét xử xét thấy: Tại phiên tòa, ông N, bà H (đại diện theo ủy quyền) đều cho rằng vợ chồng ông N chỉ thế chấp quyền sử dụng đất và tầng 1 ngôi nhà. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 2 Điều 2 Hợp đồng thế chấp số công chứng 2897/2011 ngày 20/9/2011 giữa Ngân hàng VIB với ông Nguyễn Thành N và bà Phạm Ngọc T quy định: “toàn bộ vật phụ, trang thiết bị kèm theo và phần giá trị công trình, diện tích cải tạo, đầu tư xây dựng thêm gắn liền với diện tích nhà đất đã thế chấp cũng đều thuộc tài sản thế chấp theo Hợp đồng này”. Được đăng ký thế chấp tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội ngày 21/9/2011 đã tuân thủ đúng quy định pháp luật. Hơn nữa, việc ký kết hợp đồng thế chấp giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện không bị ai ép buộc và nội dung thỏa thuận không trái pháp luật.

Sau khi thế chấp vợ chồng ông N tự xây dựng thêm tầng 2 sẽ đều thuộc tài sản thế chấp theo thỏa thuận đã ký giữa hai bên nên Nguyên đơn đề nghị được xử

lý tài sản bảo đảm trong trường hợp bị đơn không thanh toán được các khoản nợ trên là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Tuy nhiên, trong Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất đứng tên ông N, bà T có thể hiện 10,7m là ngõ đi chung, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên trong trường hợp Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không thanh toán xong khoản nợ thì Nguyên đơn có quyền đề nghị cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý 03 khối tài sản đã thế chấp để thu hồi nợ, trong đó có quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất, diện tích 62,5m²(trong đó diện tích sử dụng riêng là 51,8m², diện tích ngõ đi chung là 10,7m²) đứng tên ông Nguyễn Thành N và bà Phạm Ngọc T là chưa rõ ràng, cần phải rút kinh nghiệm. Tại biên bản định giá nhà, đất của Ngân hàng VIB ngày 15/9/2011 cũng xác định nhà đất như trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có định giá chỉ 51,8m² = 3.294.480.000 đồng để làm cơ sở xác định mức cho vay của Ngân hàng. Do vậy, việc thế chấp trên chỉ thế chấp phần diện tích đất sử dụng riêng là 51,8m², chứ không thế chấp diện tích đất chung là 10,7m² ngõ đi và tại phiên tòa đại diện Ngân hàng VIB cũng đề nghị Tòa án không phát mại 10,7m² ngõ đi chung. Xét đây là đề nghị tự nguyện của Nguyên đơn, không ảnh hưởng đến nội dung thế chấp và quyền và lợi ích của hai hộ cùng sử dụng ngõ đi chung nên cần được chấp nhận.

Ngoài ra, các nội dung khác của những người kháng cáo về việc Tòa án cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng là ông L, bà R; ông N cho rằng khi vợ chồng ông xây dựng thêm tầng 2 của ngôi nhà có vay tiền của vợ chồng chị H nhưng Tòa án không đưa vợ chồng chị H tham gia tố tụng đều không có cơ sở chấp nhận.

Do sửa án sơ thẩm nên người kháng cáo là Bị đơn, ông Nguyễn Thanh N không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 2 Điều 148; Khoản 2 Điều 308 Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015.
- Điều 318; Điều 319; Điều 320; Điều 323 Bộ Luật Dân sự .
- Luật các tổ chức tín dụng.
- Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch đảm bảo; Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22/2/2012 sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006.
- Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam sửa đổi bổ sung một số điều của

Quyết định 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001.

- Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sửa Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 03/2018/KDTM-ST ngày 29/3/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội và xử như sau:

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng đối với Bị đơn.

Buộc Bị đơn phải trả Nguyên đơn do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng, theo Hợp đồng tín số 046/HDDTD1-VIB058/11 ngày 20/9/2011 và các khế ước nhận nợ với số tiền tính đến ngày 19/01/2018 là:

+ Nợ gốc là: 2.938.353.663 đồng.

+ Nợ lãi trong hạn là: 14.331.945 đồng.

+ Nợ lãi quá hạn là: 2.859.746.567 đồng.

Tổng cộng: 5.812.432.175 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, Bị đơn còn phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng và các Khế ước nêu trên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

2. Trường hợp Bị đơn không thực hiện nghĩa vụ hoặc thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ khoản nợ nêu trên thì Nguyên đơn do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 38A, tờ bản đồ số 01, diện tích 385m² tại thôn Đ 1, xã ĐPY, huyện CM, Thành phố Hà Nội mang tên Bị đơn.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 109-3, tờ bản đồ số 8E-IV-30, diện tích 51,8 m² tại địa chỉ hẻm 515/3/2 đường HHT, phường VP, BD, Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 098477 do UBND quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội cấp ngày 08/04/2011 đứng tên ông Nguyễn Thành N và bà Phạm N không bao gồm 10,7m² ngõ đi chung.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 229, tờ bản đồ số 03, diện tích 400 m² tại địa chỉ thôn ĐC, xã TB, huyện CM - Thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 907939 do Ủy ban nhân dân

huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội cấp ngày 31/03/2011 đứng tên ông Nguyễn Hữu Đ.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ nêu trên. Nếu dư Ngân hàng sẽ trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiếp tục trả cho Ngân hàng số tiền thiếu.

Trong trường hợp phải xử lý tài sản thế chấp thì ngoài các đương sự trong vụ án đang cư trú tại diện tích nhà đất nêu trên nếu tại thời điểm xử lý tài sản bảo đảm có người khác đang thực tế sinh sống cùng với các đương sự cũng phải có nghĩa vụ thi hành án.

3. Về án phí:

+ Bị đơn phải chịu 114.645.534 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm được trừ 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số AA/2015/0003391 ngày 22/5/2018 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

+ Trả lại Nguyên đơn do Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng số tiền tạm ứng án phí là 57.000.000 đồng (đã nộp) tại biên lai số AA/2015/0003060 ngày 01/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

Hoàn trả cho ông Nguyễn Thanh N 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm (đã nộp) theo biên lai số AA/2015/0003390 ngày 22/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân TP Hà Nội;
- Toà án nhân dân huyện Chương Mỹ
- Chi cục THADS huyện Chương Mỹ;
- Các đương sự;
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thanh Bình

Các Thẩm phán

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa